

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 52/2014/TT-BTC

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2014

THÔNG TƯ**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
phí thẩm định, lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt
động dịch vụ quan trắc môi trường***Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001;**Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002;**Căn cứ Nghị định số 27/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ quy định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;**Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;**Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,**Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường, như sau:***Điều 1. Đối tượng nộp và cơ quan thu phí, lệ phí**

1. Tổ chức khi nộp hồ sơ đề nghị chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường phải nộp phí thẩm định, khi được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường phải nộp lệ phí theo quy định tại Thông tư này. Tổ chức nộp phí, lệ phí bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của cơ quan thu phí, lệ phí mở tại kho bạc nhà nước.

2. Trung tâm Quan trắc môi trường thuộc Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Mức thu phí, lệ phí**1. Mức thu phí thẩm định**

a) Thẩm định cấp mới, gia hạn, điều chỉnh nội dung, cấp lại giấy chứng nhận (trong trường hợp Hồ sơ năng lực của tổ chức không còn giá trị), mức thu phí được xác định theo công thức sau:

$$\text{Mức thu phí} = \text{Chi phí thẩm định} \times K \times M$$

Trong đó:

- *Chi phí thẩm định*: 42.000.000 đồng (Mức chi phí tối thiểu thực hiện đánh giá hồ sơ, kiểm tra thực tế tại tổ chức và họp Hội đồng thẩm định một hồ sơ đề nghị chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường).

- *K*: Hệ số vị trí địa lý theo khu vực của tổ chức đề nghị chứng nhận, chi tiết tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

- *M*: Hệ số điều chỉnh theo số lượng thông số môi trường đề nghị chứng nhận.

Mức phí thẩm định cụ thể như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

K \ M	Dưới 16 thông số (M = 1,0)	Từ 16 đến 30 thông số (M = 1,2)	Từ 31 đến 45 thông số (M = 1,4)	Từ 46 đến 60 thông số (M = 1,6)	Trên 60 thông số (M = 1,8)
Đồng bằng Sông Hồng (K = 1,0)	42.000	50.400	58.800	67.200	75.600
Trung du miền núi phía Bắc (K = 1,1)	46.200	55.440	64.680	73.920	83.160
Bắc trung Bộ và duyên hải miền Trung (K = 1,2)	50.400	60.480	70.560	80.640	90.720
Tây nguyên (K = 1,3)	54.600	65.520	76.440	87.360	98.280
Nam bộ (K = 1,4)	58.800	70.560	82.080	94.080	105.840